

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HN&GD-ST

Ngày: 05/4/2023

V/v : Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Đỗ Thị Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ái Thương và bà Hứa Thị Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà:
Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 05/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 163/2019/TLST-HN&GD ngày 09/8/2019 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXX-ST ngày 28/02/2023 và quyết định hoãn phiên toà số 13/2023/QĐST-HN&GD ngày 17/3/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Vũ Bá H – sinh năm 1937

Trú tại: Số nhà 34, tổ 7a, khu 9b, phường Bãi Ch, Tp Hạ L, tỉnh Quảng N.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Th – sinh năm 1939

Trú tại: Thôn Bắc, xã Cổ D, huyện Kim Th, tỉnh Hải D

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Th: Ông Vũ Văn Lợi và ông Nguyễn Đình Q – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Hoà Lợi – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 2411, toà Five Season, 47 Nguyễn T, Thanh X, Hà N.

(Ông H có mặt. Bà Th, ông Lợi, ông Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Vũ Bá H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Th chung sống với nhau từ năm 1957 tại thôn Bắc, xã Cổ D, huyện Kim Th, tỉnh Hải D nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông bà có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý và chứng kiến. Đến năm 1958 ông đi bộ đội đến năm 1959 thì trở về

nhà. Vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn từ thời gian đó, nguyên nhân là do bà Th có cãi nhau với mẹ ông, trong quá trình ông đi bộ đội bà Th không quan tâm gì đến ông và có đưa 1 anh cán bộ tăng cường về nhà ở. Đến năm 1959 bà Th đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng Thôn Bắc, xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành từ đó cho tới nay. Sau đó ông đi bộ đội đến năm 1961 thì chuyển ngành và ra Quảng Ninh sống cho đến bây giờ. Mâu thuẫn của ông bà cũng được hai bên gia đình khuyên bảo hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Ông bà chính thức ly thân nhau từ năm 1992 cho tới nay, không ai còn quan tâm tới ai nữa, ông cũng không trở về nhà với bà Th nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân nhau từ lâu không thể hàn gắn được. Ông đề nghị được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Ông và bà Th có 3 con chung: Vũ Thị B – sinh năm 1958, Vũ Thị Th – sinh năm 1960, Vũ Xuân Tr – sinh năm 1974, hiện tại các con chung đều đã trưởng thành, tự lập. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà và ông Vũ Bá H không có đăng ký kết hôn nhưng tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có tổ chức lễ cưới, bố mẹ hai bên gia đình nội ngoại đều nhất trí việc ông bà sống chung với nhau, không có phản đối gì và trong quá trình chung sống vợ chồng luôn quan tâm, yêu thương nhau. Bà không nhớ rõ năm chung sống với ông H nhưng bà chỉ biết sau 1 năm ở với nhau tức là năm 1958 thì ông bà sinh con là chị Vũ Thị Biên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì cho đến khi ông H đi bộ đội vào thời gian cụ thể thì bà không nhớ lúc đó vợ chồng ngày càng xa cách và ông H ít quan tâm đến gia đình, vợ con hơn. Khi ông H xuất ngũ thì ông H không về chung sống cùng bà nữa mà ra Quảng Ninh ở hẳn cho tới nay. Từ đó giữa bà và ông H xảy ra mâu thuẫn, đã cắt đứt mọi quan hệ kinh tế. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông H có đơn xin ly hôn bà, bà đồng ý ly hôn với ông H vì vợ chồng đã ly thân nhau từ lâu, không còn tình cảm. Bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Về con chung: Bà và ông H có 3 con chung: Vũ Thị B – sinh năm 1958, Vũ Thị Th – sinh năm 1960, Vũ Xuân Tr – sinh năm 1974, hiện tại các con chung đều đã trưởng thành, tự lập. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là nhà, đất tại số nhà 34, tổ 7a, khu 9b, phường Bãi Ch, Tp Hạ L, tỉnh Quảng N.

Tại biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Cổ Dũng thể hiện: Ông Vũ Bá H và bà Nguyễn Thị Th không đăng ký kết hôn nhưng có chung sống như vợ chồng với nhau từ trước năm 1987. Bà Th và ông H có 3 người con chung đều sinh sống tại địa

phương. Quá trình chung sống ông H, bà Th có phát sinh mâu thuẫn nên ông H không sinh sống tại địa phương từ lâu.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Vũ Xuân Trường là con của bà Th, ông H thể hiện: Bà Th và ông H không đăng ký kết hôn nhưng có chung sống với nhau như vợ chồng và sinh được anh và 2 chị gái. Trong quá trình chung sống ông bà có phát sinh mâu thuẫn do ông H có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác nên ông H đã ra ngoài Quảng Ninh ở từ năm 1992 cho tới nay, thi thoảng mới về thăm nhà.

Tại phiên tòa: Ông H có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, quan điểm đã trình bày tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001. Đề nghị xử cho ông Vũ Bá H được ly hôn bà Nguyễn Thị Th Về con chung: Điều đã trưởng thành, tự lập nên không đặt ra việc giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Th đã được giải quyết tại Quyết định đình chỉ giải quyết phần tài sản số 03/2023/QĐST-HN&GD ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành nên không đặt ra việc xem xét giải quyết. Về án phí: Ông H thuộc người cao tuổi và có đề nghị được miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Vũ Bá H khởi kiện xin ly hôn bà Nguyễn Thị Th nên quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn. Bị đơn bà Th hiện đang cư trú tại xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Bà Th vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điểm b, đ khoản 2 Điều

227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà Th, ông Quyết, ông Lợi.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Bá H và bà Nguyễn Thị Th tự nguyện tìm hiểu có tình cảm và được sự đồng ý của gia đình hai bên đã tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 1957 và chung sống cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1, Điều 9 [Luật hôn nhân và gia đình năm 2014](#) (Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000) quy định về việc đăng ký kết hôn: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”; tuy nhiên tại điểm a, mục 3 [Nghị quyết số 35/2000/QH](#) ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành [Luật hôn nhân và gia đình năm 2000](#) quy định như sau: “a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.” Tại mục 1 [Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP](#) ngày 03/01/2001 quy định: “...trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày [Luật hôn nhân và gia đình năm 1986](#) có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung”. Đến trước thời điểm ngày 03/01/1987 thì ông H và bà Th có đủ điều kiện để kết hôn, đã tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới; sau khi cưới đã chung sống với nhau như vợ chồng một thời gian dài, có con chung, đã thực sự xây dựng gia đình - là đáp ứng đầy đủ các điều kiện về hôn nhân thực tế được quy định tại điểm d mục 2 [Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP](#) ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội “về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000”. Do đó, việc ông H, bà Th tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ trước năm 1987 đến nay không có đăng ký kết hôn nhưng vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi chung sống với nhau một thời gian dài thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn tình cảm và tin tưởng nhau nên đã ly thân nhau từ năm 1992, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ về kinh tế, tình cảm cho đến nay. Bà Th cũng xác định không còn tình cảm với ông H và đồng ý ly hôn với ông H. Do đó, có cơ sở để xác định hôn nhân giữa ông H và bà Th không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H yêu cầu ly hôn là có căn

cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quan hệ con chung: Ông H và bà Th có 3 con chung: Vũ Thị B – sinh năm 1958, Vũ Thị Th – sinh năm 1960, Vũ Xuân Tr – sinh năm 1974, đều đã trưởng thành, tự lập. Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Th, do trong quá trình giải quyết vụ án bà Th là người có yêu cầu chia tài sản nhưng không nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên Toà án nhân dân huyện Kim Thành đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết phần tài sản tại Quyết định đình chỉ số 03/2023/QĐST-HN&GD ngày 08/02/2023 nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông H thuộc người cao tuổi và có đề nghị được miễn tiền án phí ly hôn nên ông H được miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, đ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Vũ Bá H được ly hôn bà Nguyễn Thị Th.

2. Về con chung: Ông H và bà Th có 3 con chung: Vũ Thị B – sinh năm 1958, Vũ Thị Th – sinh năm 1960, Vũ Xuân TR – sinh năm 1974 đều đã trưởng thành, tự lập. Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Th đã được giải quyết tại Quyết định đình chỉ giải quyết phần tài sản số 03/2023/QĐST-HN&GD ngày 08/02/2023 nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng cho ông Vũ Bá H. Hoàn trả lại ông H số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên

lai số AA/2017/0004033 ngày 07 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông H, vắng mặt bà Th và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Th. Ông H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bà Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Thị Hạnh

